

Bản án số: 13/2024/DS-ST
Ngày: 25/4/2024
(V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Văn An

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Mai Quốc Bảo
- Ông Trần Thanh Tuấn

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bé – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 240/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Chị **Hứa Kim H**, sinh ngày 21/4/1979.

Địa chỉ: **Số I đường L, khóm F, phường D, Tp., tỉnh Sóc Trăng.**

2/. Bị đơn: Anh Trần Minh Ý, sinh năm 1989.

Địa chỉ: **Áp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.**

3/. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/. Chị **Trần Lê Cẩm T**, sinh ngày 09/8/1989.

Địa chỉ: **Số E, khóm B, phường C, Tp., tỉnh Vĩnh Long.**

3.2/. Anh **Lê Văn T1**, sinh ngày 12/4/1978.

Địa chỉ: **Số I đường L, khóm F, phường D, Tp., tỉnh Sóc Trăng.**

*(Chị **H** và anh **T1** có mặt, anh Ý và chị **T** vắng mặt lần hai không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2023, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị **Hứa Kim H** trình bày: Trước đây do có nhu cầu vay vốn để làm ăn nên vợ chồng anh Trần Minh Ý và chị **Trần Lê Cẩm T** có hỏi vay của chị các nhiều lần với tổng số tiền là 230.000.000 đồng với lãi suất hai bên thỏa thuận là 5%/tháng với các lần cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 20/12/2019 (Dương lịch), vợ chồng anh Ý và chị **T** hỏi vay của chị số tiền là 70.000.000 đồng.

Lần 2: Sau đó, anh Ý và chị **T** hỏi vay rất nhiều lần nhưng không có làm giấy tờ với nhau cho đến ngày 30/3/2020 (Dương lịch), thì chị mới yêu cầu anh Ý và chị **T** viết giấy vay tiền với chị thể hiện có hỏi vay của chị số tiền là 119.000.000 đồng.

Lần 3: Vào ngày 13/4/2020 (Dương lịch) sau khi cho anh Ý và chị **T** vay thêm số tiền 40.000.000 đồng thì chị yêu cầu anh Ý và chị **T** viết giấy vay tiền tổng lại tất cả các lần vay trước đây cho chị với số tiền là 230.000.000 đồng và hai bên thỏa thuận 4 tháng sau anh Ý và chị **T** sẽ trả số nợ trên cho chị nhưng anh Ý và chị **T** không thực hiện nên nay chị yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc vợ chồng anh Ý và chị **T** cùng có nghĩa vụ trả số tiền trên cho chị. Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

Trong các lần giao dịch vay tiền với nhau thì anh Ý là người trực tiếp nhận tiền và viết biên nhận nợ với chị. Cho nên, biên nhận vào ngày 13/4/2020 (Dương lịch) là biên nhận tổng mà anh Ý và chị **T** còn nợ chị với số tiền là 230.000.000 đồng. Trước đây chị có yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên nhưng tại phiên tòa hôm nay chị không yêu cầu tính lãi số tiền trên đối với anh Ý và chị **T** nữa mà chỉ yêu cầu anh Ý và chị **T** có nghĩa vụ trả lại cho chị số tiền gốc 230.000.000 đồng.

Chị **H** xác định: Do đây là tài sản chung của chị và anh **T1** nên chị yêu cầu vợ chồng anh Ý và chị **T** cùng có nghĩa vụ trả số tiền trên cho vợ chồng chị.

Theo bị đơn anh Trần Minh Ý trình bày: Vào khoảng cuối năm 2019 (Dương lịch), vợ chồng anh có hỏi vay của chị **H** số tiền là 25.000.000 đồng với lãi suất là 30%/tháng. Sau đó, khoảng hơn 02 tháng anh có tiếp tục hỏi của chị **H** số tiền 30.000.000 đồng cùng với lãi suất như trên và cho đến khi anh không có khả năng thanh toán thì vào ngày 20/12/2019, chị **H** buộc vợ chồng anh viết biên nhận nợ với số tiền là 70.000.000 đồng.

Trong thời gian này anh đang gặp khó khăn về kinh tế nên không có khả năng đóng lãi cho chị **H** nên vào ngày 13/4/2020 (dương lịch) chị **H** buộc vợ chồng anh phải viết biên nhận với số tiền 230.000.000 đồng với chị **H**. Chị **H** ép buộc vợ chồng anh phải cộng số tiền 70.000.000 đồng (theo biên nhận ngày 20/12/2019) vào số tiền 119.000.000 đồng (theo biên nhận ngày 30/3/2020) cùng với số tiền lãi 41.000.000 đồng nên anh phải viết biên nhận ngày 13/4/2020 còn nợ chị **H** số tiền 230.000.000 đồng. Nhưng thực tế số tiền 70.000.000 đồng (theo biên nhận ngày 20/12/2019) đã được anh cộng thành số tiền 119.000.000 đồng (theo biên nhận ngày 30/3/2020) với chị **H** trước đây rồi.

Nay anh chỉ thừa nhận có vay của chị **H** số tiền 85.000.000 đồng nên nay anh chỉ đồng ý trả cho chị **H** số tiền là 85.000.000 đồng chứ anh không đồng ý trả số tiền 230.000.000 đồng như yêu cầu của chị **H** đối với anh.

Anh Ý xác định: Chữ ký và chữ viết trong 03 giấy vay tiền giữa anh và chị **H** đúng là của vợ chồng anh nhưng vợ chồng anh bị chị **H** ép buộc nên mới ký vào các giấy nhận nợ này.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Trần Lê Cẩm T** thống nhất ý kiến trình bày của anh Ý nên không có ý kiến gì bổ sung.

- Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Văn T1** thống nhất ý kiến trình bày của chị **H** nên không có ý kiến gì bổ sung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, Thẩm phán thực hiện chưa đúng theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Trần Minh Ý và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Trần Lê Cẩm T** chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Hứa Kim H** đối với anh Ý và chị **T**. Buộc anh Trần Minh Ý và chị **Trần Lê Cẩm T** cùng có nghĩa vụ trả cho chị **Hứa Kim H** và anh **Lê Văn T1** tổng số tiền 229.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Hứa Kim H** đối với anh Trần Minh Ý và chị **Trần Lê Cẩm T** về số tiền 1.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tiền lãi suất tính từ ngày 13/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm của chị **Hứa Kim H**.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị **Hứa Kim H** có đơn khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với anh Trần Minh Ý. Anh Trần Minh Ý có địa chỉ cư trú tại **huyện P, tỉnh Bạc Liêu**. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đối với sự vắng mặt của anh Trần Minh Ý và chị Trần Lê Cẩm T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh Ý và chị T vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trần Minh Ý và chị Trần Lê Cẩm T theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Hứa Kim H đối với anh Trần Minh Ý có nghĩa vụ trả cho chị số tiền vay còn thiếu là 230.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật thì Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự thống nhất thừa nhận có việc giao dịch vay tài sản với nhau, việc giao dịch vay tiền này là hoàn toàn tự nguyện và có xảy ra trên thực tế. Như vậy, lời thừa nhận của anh Ý về việc còn thiếu chị H với tổng số tiền 230.000.000 đồng là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật.

[3] Xét lời trình bày của anh Trần Minh Ý: Anh Ý cho rằng trong các lần giao dịch vay tiền với nhau thì anh là người viết biên nhận nợ với chị H. Lúc đầu, anh có hỏi vay của chị H số tiền là 25.000.000 đồng với lãi suất là 30%/tháng. Sau đó, khoảng hơn 02 tháng anh có tiếp tục hỏi của chị H số tiền 30.000.000 đồng cùng với lãi suất như trên và cho đến khi anh không có khả năng thanh toán thì vào ngày 20/12/2019, chị H buộc vợ chồng anh viết biên nhận nợ với số tiền là 70.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên anh không đóng lãi cho chị H nên vào ngày 13/4/2020 (dương lịch) chị H buộc vợ chồng anh phải viết biên nhận với tổng số tiền 230.000.000 đồng với chị H. Trong đó, tổng cộng các biên nhận vào ngày 20/12/2019 với số tiền 70.000.000 đồng và biên nhận ngày 30/3/2020 với số tiền 119.000.000 đồng cùng với số tiền lãi 41.000.000 đồng nên anh phải viết biên nhận ngày 13/4/2020 còn nợ chị H số tiền 230.000.000 đồng. Nhưng thực tế số tiền 70.000.000 đồng (theo biên nhận ngày 20/12/2019) đã được anh cộng thành số tiền 119.000.000 đồng (theo biên nhận ngày 30/3/2020) với chị H trước đây rồi. Nay anh chỉ thừa nhận có vay của chị H số tiền 85.000.000 đồng nên nay anh chỉ đồng ý trả cho chị H số tiền là 85.000.000 đồng chứ anh không đồng ý trả số tiền 230.000.000 đồng như yêu cầu của chị H đối với anh.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong các lần giao dịch vay tiền với nhau anh Ý thừa nhận là người trực tiếp viết biên nhận để nhận nợ với chị H nên đáng lẽ ra khi viết biên nhận nợ đề ngày 13/4/2020 với tổng số tiền 230.000.000 đồng thì anh phải thu lại để hủy bỏ các biên nhận trước đây đối với chị H. Hơn nữa, tại phiên tòa hôm nay, anh Ý không chứng minh được khoản vay thêm 70.000.000 đồng (theo biên nhận ngày 20/12/2019) đã được anh cộng thành số tiền 119.000.000 đồng (theo biên nhận ngày 30/3/2020) với chị H, trong khi đó chị H không thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày này của anh Ý.

Theo khoản 1 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”; “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra

được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Do đó, tại phiên tòa hôm nay anh Ý không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của anh là có căn cứ. Cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1, 4 Điều 91 và khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận lời trình bày này của anh Ý. Từ đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị H đối với anh Ý theo biên nhận nợ đề ngày 13/4/2020 với tổng số tiền 230.000.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay chị H xác định số tiền thực tế chị cho anh Ý và chị T vay chỉ có 229.000.000 đồng nhưng khi viết biên nhận nợ với chị thì anh Ý viết cho chẵn số tiền thành 230.000.000 đồng theo biên nhận nợ đề ngày 13/4/2020. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào sự thừa nhận của chị H tại phiên tòa có cho anh Ý và chị T vay số tiền thực tế là 229.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở buộc anh Ý và chị T cùng có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền là 229.000.000 đồng. Đối với số tiền 1.000.000 đồng chị H xác định thực tế chị không có cho anh Ý và chị T vay số tiền trên nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của chị H đối với anh Ý và chị T.

[4] Tại phiên tòa hôm nay chị H xin rút lại yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 230.000.000 đồng đối với anh Ý và chị T. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu của chị H là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị H đối với anh Ý và chị T về số tiền trên.

[5] Xét nghĩa vụ trả nợ: Hội đồng xét xử thấy rằng, anh Ý và chị T trình bày vay số tiền này của chị H là để dùng vào việc sinh hoạt mua bán, làm ăn của gia đình nên vợ chồng anh chị biết việc giao dịch vay tiền này với chị H. Hơn nữa, chị H xác định giao dịch vay tiền này có cả vợ chồng anh Ý và chị T cùng trực tiếp giao dịch với chị. Từ đó, có cơ sở để xác định đây là nợ chung của anh Ý và chị T nên việc chị H yêu cầu anh Ý và chị T cùng có nghĩa vụ trả số tiền trên cho chị là có căn cứ để chấp nhận.

[6] Từ những nhận định nêu trên, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Hứa Kim H đối với anh Trần Minh Ý và chị Trần Lê Cẩm T. Buộc anh Trần Minh Ý và chị Trần Lê Cẩm T cùng có nghĩa vụ trả cho chị H và anh T1 tổng số tiền là 229.000.000 đồng.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Hứa Kim H phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng đối với yêu cầu không được chấp nhận nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.750.000 đồng ngày 13 tháng 11 năm 2023 theo biên lai thu số 0006364 nên chị Hứa Kim H sẽ được hoàn lại số tiền 5.450.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Buộc anh Trần Minh Ý và chị Trần Lê Cẩm T phải có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 11.450.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

[8] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu về nội dung giải quyết vụ án.

Vì các lẽ nêu trên; HJohH

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 143, 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Hứa Kim H** đối với anh Trần Minh Ý về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2/. Buộc anh Trần Minh Ý và chị **Trần Lê Cẩm T** cùng có nghĩa vụ trả cho chị **Hứa Kim H** và anh **Lê Văn T1** tổng số tiền là 229.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu đồng).

3/. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Hứa Kim H** đối với anh Trần Minh Ý đối với số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất phát sinh tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

4/. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Hứa Kim H** đối với anh Trần Minh Ý về yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 230.000.000 đồng.

5/. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị **Hứa Kim H** phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.750.000 đồng ngày 13 tháng 11 năm 2023 theo biên lai thu số 0006364 nên chị **Hứa Kim H** sẽ được hoàn lại số tiền 5.450.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Buộc anh Trần Minh Ý và chị **Trần Lê Cẩm T** cùng có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 11.450.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

5/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6/. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Danh Văn An